Kinh Văn số 1654

LUẬN TỤNG NHÂN DUYÊN TÂM

Thứ tự kinh văn số 1654

Bản của Viện Bảo Tàng Anh quốc, Đôn Hoàng Đại Chánh Tân Tu Đại tạng kinh quyển thứ 32 thuộc luận tập bộ toàn từ trang 490 đến trang 491.

Ngài Long Mãnh (Long Thọ = Nagarjuna) Bồ Tát tạo.

Sa môn Thích Như Điển, Phương trượng chùa Viên Giác Hannover - Đức quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt nhân lần nhập thất thứ tư tại tu viện Đa Bảo - Úc Đại Lợi. Luận này dịch vào ngày 28 tháng 12 năm 2006.

Mười hai chi khác biệt

Năng Nhơn nói duyên sanh

Với phiền não, nghiệp, khổ

Đều gom hết trong ba.

Một, tám, chín phiền não

Hai và mười là nghiệp

Còn bảy đều là khổ

Mười hai chỉ ba nhiếp

Từ ba sanh ra hai

Từ hai sanh ra bảy

Một lại sanh ra ba

Có này luôn luân chuyển.

Các cõi tuy nhân quả

Trong đây không chúng sanh

Chỉ từ nơi pháp Không

Lại sanh nơi Không pháp

Tụng, đèn, kính và ấn

Lửa tinh, giống, mai, tiếng

Các uẩn kết tương tục

Chẳng đổi trí phải rõ.

Với những việc thật nhỏ

Nếu có kẻ thấy đoạn

Họ không hiểu nhân duyên

Chưa thấy nghĩa duyên sanh.

Đây không [cái được thấy]

Cũng không chút an lập

Dùng chơn quán nơi chơn

Thấy chơn liền giải thoát.

GIẢI THÍCH LUẬN VỀ NHÂN DUYÊN TÂM

NGÀI LONG THỌ BỒ TÁT tạo.

Trong đây Sa-môn nào thích nghe tới nghe, hay khéo nhớ giữ, ngộ được, quán được và biết đủ, đến chỗ gặp Thầy, trong lời dạy của Như Lai, hỏi như thế này: "Bạt Già Phạm! [Mười hai chi sai biệt, Năng Nhơn nói duyên sanh], điều đó nhiếp chỗ nào? Nay xin vui muốn nghe". Biết họ hỏi nghĩa chân thật, Sư liền nói rằng: " Ông trong ba chỗ phiền não, nghiệp, khổ đều nhiếp tận, bàn luận gom hết các phân biệt này. Trong đây mười và hai, nên gọi mười hai chi, vì là khác biệt, cho nên nói sai biệt. Như chi phần của xe, nên gọi là chi. Thân miệng đạt vắng lặng, nên gọi là Năng Nhơn.

Nói [Năng Nhơn] thuyết nghĩa là tuyên dương giải thích - tên khác của thuyết. Người đó chẳng phải quyết định có tự tánh, sĩ phu, giả tướng, tự tại, thời, tự nhiên, tùy dục, hóa chủ, tình cờ, v.v… được sanh ra, đây là [nhơn duyên sở sanh]. Pháp mười hai chi sai biệt này, nơi phiền não, nghiệp, khổ nương nhau chuyển giao, giống như bện cỏ, trong ba pháp ấy, cùng đều nhiếp tận.

Nói [hết] tức là nghĩa của không thiếu sót vậy."

Hỏi rằng: "Gì là Phiền não? Những gì là nghiệp? Những gì là khổ? Pháp sai biệt này phải nhiếp thế nào?"

Đáp rằng: "[một, tám, chín là phiền não, pháp mười hai chi sai biệt]: một là vô minh, thứ tám là ái, thứ chín là thủ, ba pháp này bị phiền não nhiếp. Những gì là nghiệp? [Hai và mười là nghiệp], hai là hành, mười là hữu, hai pháp này bị nghiệp nhiếp. [Còn bảy đều là khổ] ngoài *(những pháp)* bị phiền não, nghiệp nhiếp, còn bảy pháp kia là thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, sanh, lão tử phải biết bị khổ nhiếp.

Nói [đều] là từ ngữ của tổng nhiếp, tức nhiếp ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc khổ. Cho nên, mười hai chi pháp này, trong nghiệp, phiền não, khổ cùng đều nhiếp hết.

Nói [chỉ] là nghĩa của che trùm. Pháp được nói trong kinh, trong đây nhiếp tận, càng không thiếu sót."

Hỏi rằng: "Nghĩa này rõ rồi. Nghiệp, khổ, phiền não kia vì sao tương sanh? Thỉnh vì con mà nói rõ."

Đáp rằng: "[Từ ba sanh ra hai] từ ba phiền não sanh ra hai nghiệp. [Từ hai sanh ra bảy] nghĩa là pháp khổ được nói ở trên. [Bảy lại sanh ra ba] gọi là các phiền não. Lại từ ba phiền não sanh ra hai nghiệp. [*Pháp*] Có này luôn luân chuyển.

Nói [hữu (*Có*)] nghĩa là có ba loại gọi là dục, sắc và vô sắc. Trong đó không ngừng lưu chuyển, những phàm phu (= dị sanh) ở thế gian kia, mà tự lưu chuyển trôi nổi.

Nói [này] là hiển cái nghĩa bất định. Chẳng phải như sự luân chuyển, lần lượt sanh ra các hữu. Đây là điều bất định vậy."

Hỏi rằng: "Thân tự tại của chúng sanh là gì? Tác dụng của nó, việc ấy ra sao?"

Đáp rằng: "[Các cõi tuy nhân quả] chỉ thay đổi danh xưng. [Trong đây không chúng sanh] đây là nghĩa chân thật, từ giả lập hữu. Cảnh của giả lập, không thành vật thật."

Hỏi rằng: "Nếu đã như vậy, ai từ đời này đến đời khác?"

Đáp rằng: "Không có các pháp cực vi nào từ đời này di chuyển đến đời khác. Tuy nhiên, [chỉ từ nơi pháp Không, hoàn sanh nơi Không pháp]. Từ năm loại nhân: Không, vô ngã, ngã sở, phiền não, nghiệp, lại sanh Không, vô ngã, ngã sở, bảy loại pháp của quả khổ tức là vô ngã, ngã sở, (5 nhân) kia (7 quả) đây giữ lấy vô ngã, ngã sở. Tuy nhiên, từ pháp tự tánh vô ngã, rồi lại sanh pháp tự tánh vô ngã. Phải biết như vậy, phải nói như vậy.

Trong đây hỏi rằng: Từ pháp tự tánh vô ngã, rồi lại sanh pháp tự tánh vô ngã, có thí dụ nào chăng?

Trong đây đáp rằng: [Tụng, đèn, kiếng và ấn, lửa tinh, giống, mai, tiếng], nên biết đã có những ví dụ như vậy cùng giả dụ lập thành tự tánh vô ngã và thành tựu đời kia. Giống như những gì Thầy tụng, hễ đã truyền đến đệ tử, Thầy sau đó không nói thêm gì, cho nên không đến (bất chí). Đệ tử kia tụng, cũng không từ [nơi] khác được, vì thành vô nhân quả vậy. Như những gì Thầy tụng, lâm chung tâm thức lại cũng như vậy, vì thành lỗi Thường. Không đến đời khác, đời đó cũng không từ [đâu] khác [mà] được, vì thành không nhân quả. Như những gì Thầy tụng cùng đệ tử tụng, tức kia (*Thầy*) khác kia (*đệ tử*), chẳng dễ thiết lập. Như thế y nơi tâm thức lâm chung kia sanh phần tâm thức. [Tâm thức] được sanh cũng lại như vậy. Tức kia *(tâm thức lâm chung)* khác kia *(tâm thức được sanh)* chẳng dễ thiết lập. Như thế từ đèn sanh đèn, dựa theo khuôn mặt, trong kiếng hiện lên khuôn mặt đó. Từ ấn thành văn, từ tia thành lửa, từ giống sanh mầm, từ trái mai sanh nước dãi, từ tiếng xuất vang, tức kia *(nhân)* khác kia *(quả)*, chẳng dễ thiết lập.

Như thế: [các uẩn kết tương tục, chẳng dời trí phải rõ].

Nói Uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức uẩn vậy.

Nói [kết tương tục] là kia (uẩn) đã từ nhân kia được sanh ra, thì cái khác cũng vậy. Chẳng có các pháp cực vi nào từ đời này di chuyển đến đời khác. Cho nên nói lưu chuyển từ tập khí phân biệt hư vọng mà sanh.

Sau nói [phải] là quán nghịch, nghĩa là phải biết ngược lại. (*Người*) kia phải quán các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã, thì chẳng ngu muội các sự. Nếu người không ngu thì chẳng có tham, nếu không có tham, thì sân chẳng sanh, nếu không có sân thì không có nghiệp, nếu chẳng có nghiệp thì không có thủ, nếu không có thủ thì chẳng tạo hữu (*Có*) về sau. Nếu không hữu sau thì liền không sanh, nếu không có sanh thì nơi thân tâm không sanh ra khổ. Bởi vì như vậy, không tích tập năm loại nhân tức ở nơi khác mà quả không sanh. Quả này giải thoát, cho nên đoạn trừ những ác kiến: đoạn kiến, thường kiến v.v...

Trong này có hai bài tụng như sau:

Với những việc thật nhỏ

Nếu có kẻ thấy đoạn

Họ không hiểu nhân duyên

Chưa thấy nghĩa duyên sanh.

Đây không [cái được thấy]

Cũng không chút an lập

Dùng chơn quán nơi chơn

Thấy chơn liền giải thoát.

Giải thích luận về nhân duyên tâm (hết) (Một quyển)

Tỳ kheo ni Thích Tinh Nghiệp hiệu đính lần thứ nhất xong ngày 17.07.2025

tại chùa Đại Bi